

Bản án số: 61/2024/DS-PT
Ngày 23 tháng 8 năm 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng bảo
lãnh”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trường;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Chiên;
Bà Điều Thị Bích Lượ.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Xuân – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2024/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52 /2024/QĐPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1946;
Địa chỉ: Tổ D, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí C, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Đình T, luật sư Công ty L1, đoàn luật sư tỉnh P.
Địa chỉ: Phố M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.
Bị đơn: Công ty cổ phần Đ;
Địa chỉ: Số nhà B, đường H, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.
Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị L - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đ - Vắng mặt.
Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Khắc K, sinh năm: 1952;
Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh - Có mặt.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH T4;
Địa chỉ: A + A7/D11 đường Đ, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung T1 - Giám đốc Công ty TNHH T4.
Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T4: Công ty L2;
Địa chỉ: SN A N, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.
Do luật sư Vi Văn D1 – Giám đốc làm đại diện theo văn bản ủy quyền số

23/2019/TMLF-UQ ngày 06/8/2019 - Có mặt;

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2020, các lời khai tiếp theo và tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ngày 02/7/2015, bà Trần Thị L đã đại diện cho Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Đức T2) cùng ông Nguyễn Văn D ký hợp đồng bảo lãnh với nội dung: Bảo lãnh cho việc ông D mua bán hàng đa cấp với Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 (sau đây gọi tắt là T4), việc ký hợp đồng bảo lãnh có ông Nguyễn Văn T3 là người đại diện cho chi nhánh của Thiên Ngọc Minh U tại V, Phú Thọ chứng kiến.

Nội dung cụ thể của hợp đồng như sau: Đức T2 tự nguyện nhận bảo lãnh cho ông Nguyễn Văn D mua bán hàng đa cấp với T4 thông qua cơ sở H (là chi nhánh của T4 tại V), địa chỉ: Khu B, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (do ông Nguyễn Văn T3 làm người đại diện tại Phú Thọ) với tổng số tiền ông D bỏ ra mua hàng là 2.339.800.000 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng). Sau thời hạn 03 (Ba) năm 10 (Mười) ngày sẽ được trả thưởng là 8.852.000.000 đồng (Tám tỷ tám trăm năm hai triệu đồng). Hợp đồng cũng thể hiện: Sau thời hạn trên, nếu ông D không nhận được số tiền 8.852.000.000 đồng (Tám tỷ tám trăm năm hai triệu đồng) vì bất kỳ lý do gì kể cả lý do bất khả kháng thì bà L tự nguyện bảo lãnh số tiền gốc bằng tài sản riêng của bà L hoặc của Đức T2 để trả cho toàn bộ số tiền gốc và lãi trong hạn bằng lãi vay tiền gửi 7%/năm và lãi quá hạn bằng lãi vay quá hạn do Ngân hàng N công bố. Hết thời hạn thoả thuận, bà L đã không thực hiện trách nhiệm bảo lãnh như đã thoả thuận nên ông khởi kiện yêu cầu bà L phải thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết, đề nghị Toà buộc Công ty Đ phải trả cho ông tổng số tiền: 5.632.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm ba mươi hai triệu đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 2.339.800.000 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng);

- Lãi trong hạn: 2.339.800.000 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) x 7%/năm x 8 năm 06 tháng = 1.392.046.000 đồng (Một tỷ ba trăm chín hai triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

- Lãi quá hạn: 2.339.800.000 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) x 10,5%/năm x 6 năm 06 tháng = 1.597.100.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín bảy triệu một trăm nghìn đồng).

- Tiền phạt: 2.339.800.000 đồng (Hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) x 2%/năm x 6 năm 06 tháng = 303.300.000 đồng (Ba trăm linh ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại đơn khởi kiện ông D có yêu cầu Toà xem xét và khởi tố đối với hành vi của bà L đã có yếu tố lừa đảo tuy nhiên tại phiên toà hôm nay, ông D khẳng định ngoài nội dung yêu cầu đòi bà L phải trả khoản tiền bảo lãnh trên thì ông D không yêu cầu Toà xem xét thêm bất kỳ một vấn đề gì khác.

Bị đơn, Công ty Đ do bà Trần Thị L cùng người đại diện theo ủy quyền của bà L có lời khai thể hiện: Việc bà L ký hợp đồng bảo lãnh với ông Nguyễn Văn D

vào ngày 02/7/2015 là có thật, tuy nhiên bà L cho rằng: Bản thân bà ngoài vai trò là Giám đốc Công ty Đ bà còn là người giới thiệu (cộng tác) của T4 đồng thời bà có quen biết, làm ăn với ông D. Khi ông D ký Hợp đồng mua bán hàng đa cấp với T4, ông D có trao đổi với bà cho bà làm người giới thiệu để bà được hưởng lợi (thưởng của người giới thiệu) với điều kiện bà đứng ra làm người bảo lãnh cho Hợp đồng mua bán hàng đa cấp giữa ông D và Thiên Ngọc Minh U.

Do tin tưởng ông D đồng thời ham lợi nhuận, thiếu hiểu biết, bản thân bà cho rằng Thiên Ngọc Minh U đã biết rõ việc này nên khi ông D đưa Hợp đồng đã soạn sẵn và bảo bà ký vào hợp đồng bảo lãnh thì bà đã ký mà không xem lại. Bà xác định bà ký Hợp đồng bảo lãnh với mục đích để ông D an tâm thực hiện Hợp đồng mua bán cùng Thiên Ngọc Minh U chứ không phải bà tự nguyện trả toàn bộ thiệt hại cho Thiên Ngọc Minh U. Sau này ông D nói với bà mục đích ông D yêu cầu bà ký Hợp đồng này là để lấy số tiền hơn 8 tỷ đồng từ bà chứ không phải mong muốn bà bảo lãnh an toàn cho việc mua bán hàng giữa ông D với Thiên Ngọc Minh U thì bà mới biết là bà bị ông D lừa. Nay ông D khởi kiện bà có quan điểm: Hợp đồng này được ký trên cơ sở Hợp đồng mua bán hàng đa cấp giữa ông D và Thiên Ngọc Minh U, mục đích của bà khi ký Hợp đồng này là để đảm bảo an toàn cho giao dịch giữa ông D và Thiên Ngọc Minh U khi gặp rủi ro. Như vậy, nếu có tranh chấp phát sinh thì ông D phải yêu cầu T4 xử lý đối với Hợp đồng mua bán hàng giữa ông D và Thiên Ngọc Minh U đã rồi mới được yêu cầu bà thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (trong trường hợp Thiên Ngọc Minh U đồng ý với nghĩa vụ bảo lãnh của bà), tuy nhiên ông D chưa từng yêu cầu Thiên Ngọc Minh U thực hiện việc này. Ngoài ra, tại toà phía T4 đều khẳng định không biết, không yêu cầu bà ký Hợp đồng bảo lãnh với ông D để đảm bảo cho Hợp đồng mua bán hàng của Thiên Ngọc Minh U. Mặt khác khi ký hợp đồng bảo lãnh do thiếu hiểu biết về pháp luật bà đã thực hiện ký hợp đồng với tư cách là đại diện Công ty cổ phần Đ trong khi tại điều lệ của công ty N1 của bà không được phép tự ý ký hợp đồng bảo lãnh. Vì vậy bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D vì bà chưa phát sinh bất kỳ nghĩa vụ gì với ông D. Bà đề nghị tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, tuyên hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Công ty T4 có lời khai thể hiện: Cơ sở H là chi nhánh của T4 tại V có địa chỉ: Khu B, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nhưng chi nhánh không có quyền ký kết Hợp đồng mua bán hàng đa cấp với bất kỳ cá nhân nào. Quá trình làm việc, do không có hợp đồng gốc và phía ông D chưa từng yêu cầu nên phía T4 không xác định được hợp đồng bán hàng đa cấp giữa Công ty với ông Nguyễn Văn D là có thật hay không. Phía công ty T4 khẳng định không ký kết hợp đồng bán hàng đa cấp ba bên, việc phát sinh hợp đồng bảo lãnh này Thiên Ngọc Minh U không liên quan và không yêu cầu bà L hay bất kỳ cá nhân, tổ chức nào phải thực hiện bảo lãnh cho bất kỳ Hợp đồng nào của Thiên Ngọc Minh U. Nếu ông D có bất kỳ vấn đề gì liên quan đến hợp đồng mua bán hàng đa cấp với Thiên Ngọc Minh U thì ông D cần đem toàn bộ hợp đồng gốc đến công ty T4 để được làm việc, Thiên Ngọc Minh U sẽ có trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân nào có giao dịch mua bán với Thiên Ngọc Minh U. Tại vụ án này, phía ông D không đưa ra Hợp đồng gốc đồng thời không yêu cầu Thiên

Ngọc Minh U phải có trách nhiệm với ông D nên Thiên Ngọc Minh U xác định không có liên quan gì, đề nghị Toà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người chứng kiến ông Nguyễn Văn T3 có lời khai thể hiện: Việc ông D và bà L ký hợp đồng bảo lãnh cụ thể như thế nào ông không biết, không rõ nội dung giữa hai bên ký với nhau là gì. Ông chỉ biết ông D và bà L có cùng nhau ký Hợp đồng và sau đó thì ông D bảo ông ký vào với tư cách là người chứng kiến. Cụ thể trong hợp đồng viết gì, có nội dung gì thì ông không biết và không được xem.

Toà án đã thực hiện hoà giải giữa các bên nhưng không thành.

Tại Biên bản đối chất, Thiên Ngọc Minh U vẫn giữ nguyên quan điểm: Nếu ông D xuất trình hợp đồng mua bán hàng đa cấp với T4 bản gốc đồng thời có yêu cầu thì Thiên Ngọc Minh U sẽ thực hiện mọi thủ tục nhằm đảm bảo quyền lợi cho ông D theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, luật sư Vũ Đình T có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty Đ do bà Trần Thị L là đại diện phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định.

* Tại bản án sơ thẩm dân sự số: 09/2020/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã quyết định;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 122, Điều 131; Điều 335 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự,

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu Công ty Đ (do bà Trần Thị L làm đại diện) thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015.

[2]. Tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 giữa ông Nguyễn Văn D và Công ty cổ phần Đ vô hiệu.

[3]. Về hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Hợp đồng bảo lãnh không phát sinh hậu quả nên không phát sinh nghĩa vụ hoàn trả giữa các bên.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn do là người cao tuổi.

Bản án còn quyết định về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu, thỏa thuận thi hành án.

Ngày 22/3/2024 nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bảo đảm quyền lợi của ông theo yêu cầu khởi kiện, cụ thể là đề nghị cấp phúc thẩm buộc Công ty cổ phần Đ do bà L đại diện phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả tiền cho ông theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo uỷ quyền của ông D trình bày: Nguyên đơn ông D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bảo đảm quyền lợi của ông, cụ thể là đề nghị cấp phúc thẩm buộc Công ty cổ phần Đ do bà L đại diện phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả tiền cho ông theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 đã được ký kết giữa ông D với Công ty do bà L đại diện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Đình T đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D buộc Công ty cổ phần Đ do bà L đại diện phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả tiền cho ông theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015;

Ngày 09/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ Quyết định kháng nghị số 95/QĐ-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm về các nội dung: Kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm, do bản án sơ thẩm sơ thẩm đã tuyên “Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 giữa ông Nguyễn Văn D và Công ty cổ phần Đ vô hiệu” là không đúng quy định của pháp luật, vượt quá yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ vẫn giữ nguyên nội dung đã phân tích tại Quyết định kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện của hợp đồng bảo lãnh chưa phát sinh hiệu lực vì Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 “... bảo lãnh cho việc ông Nguyễn Văn D mua bán hàng đa cấp tại cơ sở 1 chi nhánh H1 thuộc Công ty TNHH T4 ...” nhưng hai bên không cung cấp được quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, như vậy điều kiện của hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực chưa phát sinh do đó nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 192, điểm g khoản 1 điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ rút kháng nghị về việc đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, Đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn;

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Công ty cổ phần Đ người đại diện theo uỷ quyền ông Phan Khắc K trình bày: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm; nay ông K có quan điểm không nhất trí nội dung kháng cáo của nguyên đơn, không nhất trí kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì;

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Công ty TNHH T4 do người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Trong vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và bị đơn Công ty cổ phần Đ thì Công ty TNHH T4 không liên quan gì, nội dung các đương sự trình bày liên quan đến Công ty TNHH T4 đó là quan điểm của họ; quan điểm của Công ty TNHH T4 nếu ai suất trình được bản gốc hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH T4 mà có tranh chấp, nếu Công ty TNHH T4 chưa thực hiện nghĩa vụ thì Công ty TNHH T4 sẽ xem xét giải quyết, còn trong vụ án này Công ty

TNHH T4 không yêu cầu ai phải thực hiện nghĩa vụ gì, Công ty TNHH T4 không thấy ai yêu cầu gì do đó đại diện Công ty không có ý kiến gì thêm

Các bên tham gia tranh luận và đối đáp:

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, người đại diện nguyên đơn và nguyên đơn đều xác định kháng cáo của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc Công ty cổ phần Đ do bà L đại diện phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ghi tại Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015, vì trong Hợp đồng bảo lãnh có ghi tên Công ty TNHH T4 nhưng ông chưa yêu cầu tranh chấp với Công ty TNHH T4, Công ty cổ phần Đ do bà L đại diện ký kết hợp đồng bảo lãnh với ông nên Công ty cổ phần Đ do bà L đại diện phải thực hiện nghĩa vụ; người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, người đại diện nguyên đơn và nguyên đơn đều nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với nội dung cấp sơ thẩm đã tuyên Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 vô hiệu là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D;

Đại diện bị đơn ông K xác định Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 là do ông D lừa rồi bà L ký kết, đặt giả thiết nếu bà L được tự nguyện ký kết Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 thì nội dung hợp đồng là bảo lãnh cho việc ông D mua bán hàng hóa đa cấp tại ... thuộc công ty T4, như vậy ông D phải chứng minh về việc có mua bán hàng hóa, xảy ra tranh chấp mà không được bên mua bên bán giải quyết thỏa đáng, nếu khi đó phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh thì Công ty cổ phần Đ mới có trách nhiệm xem xét, nay ông D lừa rồi bà L ký kết hợp đồng bảo lãnh và khởi kiện yêu cầu thực hiện Hợp đồng bảo lãnh nên bị đơn không nhất trí yêu cầu khởi kiện và không nhất trí nội dung kháng cáo của ông D và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Đại diện bị đơn ông K tranh luận đối với nội dung kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát: Bị đơn không nhất trí nội dung kháng nghị, bị đơn thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 vô hiệu là có căn cứ vì hợp đồng đó được hai bên giao kết do bị lừa rồi (Ông D lừa rồi bà L và Công Ty cổ phần Đ); bị đơn có đề nghị được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh vô hiệu nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, như đã phân tích tại Quyết định kháng nghị số 95/QĐ-VKS-DS Ngày 09/4/2024 và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa; nay xét thấy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311, điểm g khoản 1, khoản 3 điều 217, điểm b khoản 1 điều 192, khoản 1 điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Khoản 2 Điều 29, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Hủy bản án sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh; Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 39/2024/TLPT-DS ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ và trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn. Ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Về đơn kháng cáo và Quyết định kháng nghị trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn (Người kháng cáo); người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đều có mặt; Bị đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt; Do vậy Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử đảm bảo sự có mặt của các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo; Quyết định kháng nghị:

2.1. Trong đơn kháng cáo của nguyên đơn và tại phiên tòa ông D đều không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm vì Quyết định bản án sơ thẩm đã Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và không nhất trí với nội dung quyết định bản án Tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 giữa ông và Công ty cổ phần Đ vô hiệu;

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn (Buộc Công ty Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả tiền theo hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 là 5.632.000.000đ);

Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng bảo lãnh được giao kết ngày 02/7/2015 giữa ông D và Công ty cổ phần Đ do bà L đại diện được ký kết là để bảo lãnh cho việc mua bán hàng hóa, cụ thể tại điều 1 của Hợp đồng ghi: “Bên bà Trần Thị L Giám đốc công ty cổ phần Đ đã tự nguyện bảo lãnh cho việc ông Nguyễn Văn D mua bán hàng đa cấp tại cơ sở 1... thuộc Công ty TNHH T4... ”; như vậy hợp đồng bảo lãnh thể hiện nội dung bảo lãnh cho việc mua bán hàng hóa giữa ông D và Công ty T4; trong vụ án này nguyên đơn chỉ khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo lãnh mà không tranh chấp về việc mua bán hàng hóa do đó chưa có căn cứ pháp lý để xác định hợp đồng mua bán hàng đa cấp giữa ông D và Công ty T4 đã được thực hiện đúng thỏa thuận hay chưa? quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện mua bán hàng đa cấp đã được đảm bảo hay chưa và có phát sinh quyền nghĩa vụ với bên bảo lãnh hay không? ... các nội dung đó là căn cứ pháp lý để xem xét hợp đồng bảo lãnh đã phát sinh hiệu lực hay chưa thì chưa được các bên tham gia giao kết hợp đồng mua

bán hàng đa cấp giải quyết thỏa đáng; Điều đó thể hiện bên bán hàng trong hợp đồng mua bán hàng đa cấp vẫn yêu cầu bên mua hàng trong hợp đồng mua bán hàng đa cấp (Ông D) cung cấp hợp đồng mua bán hàng hóa bản gốc và hợp tác với bên bán hàng để giải quyết tranh chấp ... Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện các bên chưa thực hiện và đặc biệt ông D xác định ông chưa từng yêu cầu bên bán hàng là Công ty TNHH T4 cùng ông giải quyết việc mua bán hàng hóa;

Như vậy nguyên đơn ông D khởi kiện bị đơn Công ty cổ phần Đ, tranh chấp Hợp đồng Bảo lãnh về việc mua bán hàng hóa, nhưng có hay không việc mua bán hàng hóa và nếu có thì các bên đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình hay chưa, nếu chưa thực hiện đúng thì có tranh chấp hay không, nếu có tranh chấp thì đã giải quyết thỏa đáng hay chưa để từ đó xác định nghĩa vụ của bên bảo lãnh có phát sinh hay không, những nội dung này hồ sơ vụ án thể hiện trước khi khởi kiện nguyên đơn chưa thực hiện, trong quá trình giải quyết vụ án nội dung này các đương sự cũng không yêu cầu, do đó nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện để tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh; Lẽ ra khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm phải ra thông báo trả lại đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật, nhưng cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm điểm b khoản 1 điều 192, điểm g khoản 1 điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án và xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh, như vậy giả thiết sau này các bên giải quyết tranh chấp việc mua bán hàng hóa khi đó phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh và có tranh chấp hợp đồng bảo lãnh nhưng trước đó hợp đồng bảo lãnh đã được Tòa án đã giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật như vậy sẽ làm mất quyền khởi kiện của đương sự đối với nội dung bảo lãnh trong Hợp đồng bảo lãnh;

Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc: Bản án tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 giữa ông Nguyễn Văn D và Công ty cổ phần Đ vô hiệu và Hợp đồng bảo lãnh không phát sinh hậu quả nên không phát sinh nghĩa vụ hoàn trả giữa các bên, được Hội đồng xét xử xem xét tại mục 2.2.;

2.2. Đối với nội dung quyết định của bản án: Tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 vô hiệu và xác định hợp đồng bảo lãnh không phát sinh hậu quả, Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã nêu là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và kháng cáo của nguyên đơn cũng không nhất trí quyết định bản án sơ thẩm đã tuyên đối với nội dung này; Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất: Như đã phân tích tại tiểu mục 2.1. mục 2 nêu trên

Thứ hai: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (Trả tiền), bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh ký ngày 02/7/2015 là vô hiệu; Bản án sơ thẩm nhận định “Nguồn gốc hợp đồng bảo lãnh xuất phát từ hợp đồng mua bán hàng đa cấp do đó đây là điều kiện và nội dung không thể tách rời của Hợp đồng bảo lãnh. Phía T4 cũng có quan điểm hoàn toàn có thiện chí đối với ông D nếu ông D xuất trình hợp đồng mua bán bản gốc và có yêu cầu Thiên Ngọc Minh U thực hiện nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên toàn bộ quá trình giải quyết vụ án

và tại phiên tòa hôm nay, bản thân ông D khẳng định ông chưa từng yêu cầu T4 chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng mua bán giữa ông và Thiên Ngọc Minh U; ông chỉ yêu cầu duy nhất bà L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh còn việc giữa ông và T4 ông không yêu cầu tòa xem xét. Như vậy, rõ ràng điều kiện để hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực chưa phát sinh nên việc ông D khởi kiện buộc bà L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là không có căn cứ”; Mặc dù cấp sơ thẩm nhận định như trên nhưng bản án lại tuyên Hợp đồng bảo lãnh ký ngày 02/7/2015 là vô hiệu và giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu là chưa phù hợp với quy định của pháp luật; Quyết định kháng nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã nêu cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm khoản 1 điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ;

Thứ ba:

Tại mục 1 điều 2 Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 giữa ông Nguyễn Văn D và Công ty cổ phần Đ do bà L đại diện ký kết còn có nội dung mà các bên thỏa thuận bà L chịu trách nhiệm cá nhân đối với Hợp đồng bảo lãnh; như vậy Hợp đồng bảo lãnh không những đề cập đến trách nhiệm của Công Ty cổ phần Đ mà còn đề cập đến trách nhiệm cá nhân của bà L đối với ông D, nội dung này chưa được xem xét giải quyết nhưng cấp sơ thẩm đã tuyên Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 là vô hiệu và quyết định về hậu quả của hợp đồng vô hiệu là làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự;

Bản án sơ thẩm căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 điều 117 Bộ luật Dân sự: điểm “a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập; b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;”; Như vậy đến nay chưa có tài liệu nào thể hiện tại thời điểm giao kết hợp đồng bà L không có năng lực pháp luật hoặc bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự, cụ thể trong đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Đ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện bà L giữ chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ nên giao dịch dân sự do người đại diện theo pháp luật thực hiện là hợp pháp, ngược lại nếu bà L đã không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ với vai trò là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ thì bà L phải tự chịu trách nhiệm với công ty, mặt khác đến nay chưa có tài liệu nào thể hiện tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo lãnh ngày 02/7/2015 Công ty cổ phần Đ do bà L đại diện bị ép buộc, lừa dối phải ký hợp đồng bảo lãnh về việc ông Nguyễn Văn D mua bán hàng hóa với công ty TNHH T4;

Bản án sơ thẩm còn nhận định theo Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Đ thì bà L không có quyền ký Hợp đồng bảo lãnh khi chưa có sự nhất trí của các thành viên Công ty, nhưng trong hồ sơ vụ án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu chứng cứ là Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Đ, nội dung này cấp sơ thẩm sử dụng tài liệu không phải là Điều lệ hoạt động của Công ty để xác định Công ty có phải thực hiện nghĩa vụ hay không phải thực hiện nghĩa vụ là không có căn cứ pháp luật;

Ngoài ra sau khi ban hành bản án số 09/2024/DS-ST ngày 11/3/2024, ngày 22/3/2024 cấp sơ thẩm còn ban hành Quyết định sửa chữa bổ sung bản án, nội dung sửa chữa bổ sung không hoàn toàn là do lỗi chính tả và số liệu nhầm lẫn hoặc

tính toán toán sai; hơn nữa việc ban hành Quyết định sửa chữa bổ sung bản án, Thẩm phán không phối hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử để ra Quyết định sửa chữa bổ sung bản án là vi phạm điều 268 Bộ luật Tố Tụng Dân sự;

Như vậy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

+ Nhận đơn và xử lý đơn khởi kiện: Lẽ ra phải thông báo trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn nhưng cấp sơ thẩm lại thụ lý vụ án; vi phạm điểm b khoản 1 điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

+ Trong quá trình giải quyết vụ án: Lẽ ra cấp sơ thẩm phải Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn nhưng cấp sơ thẩm đã tiến hành tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khi nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện; vi phạm điểm g khoản 1, khoản 3 điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

+ Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo lãnh khi chưa đủ điều kiện khởi kiện như đã nêu trên, cấp sơ thẩm tuyên xử Hợp đồng bảo lãnh vô hiệu là đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn; vi phạm khoản 1 điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

+ Cấp sơ thẩm ban hành Quyết định sửa chữa bổ sung bản án, nội dung sửa chữa bổ sung không hoàn toàn là do lỗi chính tả và số liệu nhầm lẫn hoặc tính toán toán sai và do cá nhân Thẩm phán ban hành là vi phạm điều 268 Bộ luật Tố Tụng Dân sự;

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự; nội dung Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã phân tích, nội dung phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật được chấp nhận; do đó cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm; Đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn;

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Công ty TNHH T4 mặc dù không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến nay có giai đoạn đại diện Công ty TNHH T4 xác định không liên quan đến công ty cổ phần Đ và ông D nhưng trong hợp đồng bảo lãnh giữa ông D và Công ty cổ phần Đ giao kết với nhau lại có người của Công ty TNHH T4 tham gia chứng kiến và người chứng kiến còn xác định chỉ ký vào hợp đồng bảo lãnh chứ không biết nội dung hợp đồng bảo lãnh ông D và đại diện Công ty cổ phần Đ ghi những gì; cũng trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Công ty TNHH T4 có giai đoạn lại yêu cầu ông D suất trình bản gốc hợp đồng mua bán hàng hóa đa cấp để Công ty TNHH T4 xem xét nếu có căn cứ Công ty TNHH T4 sẽ giải quyết, điều đó chứng tỏ giữa ông Nguyễn Văn D và Công ty TNHH T4 có liên quan đến nhau trong việc mua bán hàng hóa và giữa Công ty cổ phần Đ với Công ty TNHH T4 và ông Nguyễn Văn D có liên quan đến nhau trong việc giao kết hợp đồng bảo lãnh; tuy nhiên các đương sự không ai yêu cầu giải quyết các mối liên hệ giữa họ với nhau nên Hội đồng xét xử không đánh giá về tính hợp pháp của các chứng cứ đó, đến nay chỉ có ông D yêu

cầu Công ty cổ phần Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và đã được cấp sơ thẩm giải quyết bằng án, nay cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng;

Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D;

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D được miễn tạm nộp dự án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311, điểm g khoản 1, khoản 3 điều 217, điểm b khoản 1 điều 192, khoản 1 điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 29, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 39/2024/TLPT-DS ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1946;

Địa chỉ: Tổ D, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Đình T, luật sư Công ty L1, đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Phố M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Công ty cổ phần Đ;

Địa chỉ: Số nhà B, đường H, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị L - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đ;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Khắc K, sinh năm: 1952;

Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Công ty TNHH T4;

Địa chỉ: A + A7/D11 đường Đ, phường D, quận C, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung T1 - Giám đốc Công ty TNHH T4;

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T4: Công ty L2;

Địa chỉ: Số nhà A N, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Do luật sư Vi Văn D1 – Giám đốc làm đại diện theo văn bản ủy quyền số 23/2019/TMLF-UQ ngày 06/8/2019;

3. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Ông Nguyễn Văn D có quyền khởi kiện lại vụ án dân sự theo quy định của Pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn D có quyền nhận lại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án nếu có yêu cầu;

4. Do hủy bản án dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D;

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì;
- TAND TP Việt Trì;
- Chi cục THADS. TP Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Xuân Trường